

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
TỈNH THÁI NGUYÊN NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05/2025/DS-ST**

Ngày: 28/4/2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Dẫn và ông Nguyễn Thành Nhật.

Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Thanh Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Ma Thế K (tên khác Dương Thế K1), sinh năm 1962

- **Bị đơn:** + Ông Dương Văn C, sinh năm 1968;
+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970;

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Lao Thị N, sinh năm 1976;

+ Bà Dương Thị T, sinh năm 1973;

+ Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1960, (bà Hoàng Thị T1 uỷ quyền cho ông Ma Thế K)

Cùng nơi cư trú: xóm Đ, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(có mặt ông K, vắng mặt những người tham gia tố tụng còn lại)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Nguyên đơn trình bày:

Năm 1995 nguyên đơn có đơn xin nhận đất rừng và đã được khoanh vẽ. Đến ngày 16/02/1998 nguyên đơn được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số I238125 mang tên Dương Thế K1. Kể từ khi được cấp GCNQSD đất đến năm 2015 nguyên đơn phát rừng để trồng cây thì xảy ra tranh chấp. Số cây nguyên đơn trồng trên diện tích khoảng 5.500m² thuộc tiểu khu C, khoảnh 7 bị phá hủy hết, nguyên đơn để nguyên hiện trạng, và có báo chính quyền địa phương. Đến năm 2018 ông Dương Văn C đến phát và trồng cây, nguyên đơn đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã P giải quyết nhưng không dứt điểm.

Cũng tại phần đất rừng bên cạnh diện tích khoảng 1.500m², nguyên đơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998, từ khi cấp đến năm 2015 ổn định không có tranh chấp. Năm 2015 nguyên đơn phát rừng để trồng cây thì xảy ra tranh chấp diện tích khoảng 1.500m², ông Nguyễn Văn L đã gây khó khăn, đến năm 2021 nguyên đơn thu hoạch lúa keo xong thì ông L tự ý mang cây keo đến trồng vào diện tích trên, nguyên đơn đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã P giải quyết nhưng ông L không hợp tác.

Theo kết quả đo đạc thẩm định ngày 25/12/2024, diện tích đất 02 bị đơn tranh chấp với nguyên đơn đều nằm trong thửa số 8, khoảnh 7, tiểu khu C thuộc bản đồ giao đất giao rừng xã P, cụ thể:

Ông Dương Văn C đang sử dụng 4.890,1 m² đất

Ông Nguyễn Văn L đang sử dụng 1.100,9 m² đất.

Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Dương Văn C trả lại toàn bộ diện tích 4.890,1 m² đất; buộc ông Nguyễn Văn L di dời toàn bộ số cây trồng trên đất và trả lại toàn bộ diện tích 1.100,9m² đất, đều thuộc thửa số 8 Khoảnh 7 Tiểu khu 342 bản đồ giao đất rừng năm 1995, hiện thuộc thửa đất số 151 tờ bản đồ địa chính số 2 xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Theo Bị đơn trình bày:

- Ông Dương Văn C: Theo Biên bản lấy lời khai ông C xác định ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông K1. Phần đất do vợ chồng ông khai phá từ năm 1991 và quản lý sử dụng từ đó cho đến nay. Ông K1 làm bìa đồ lên đất của ông là không đúng. Ông xác định đất của ông thì ông quản lý sử dụng. Ông từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông tại tất cả các phiên làm việc, phiên họp, phiên tòa. Ông C không có bất kỳ tài liệu nào chứng minh quyền sử dụng đất.

- Ông Nguyễn Văn L: Theo biên bản lấy lời khai ông L xác định phần đất ông K1 khởi kiện là của gia đình ông, trước đây do vợ chồng ông khai phá, 2 vợ chồng ông đã quản lý sử dụng từ năm 1992 cho đến nay. Ông không theo kiện ông Ma Thế K, ông từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông tại tất cả các phiên làm việc, phiên họp, phiên tòa. Ông L không có bất kỳ tài liệu nào chứng minh quyền sử dụng đất.

Theo Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Theo biên bản lấy lời khai Bà Lao Thị N (vợ ông C) nhất trí với ý kiến của ông C và bà Dương Thị T (vợ ông L) nhất trí với các ý kiến của ông L, không có ý kiến nào khác, không có tài liệu chứng minh quyền sử dụng đất.

Bà Hoàng Thị T1 là vợ ông Ma Thế K uỷ quyền cho ông K.

Quá trình giải quyết vụ án, do các Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không hợp tác, vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc, các bên không thoả thuận được với nhau nên vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Quan điểm của các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai:

- Tại Công văn số 102/CV-UBND ngày 07/02/2025, Ủy ban nhân dân xã P, huyện V xác định: Diện tích đất đang tranh chấp tại lô G, lô 8, khoảnh G, tiểu khu C tờ bản đồ giao đất giao rừng có nằm trong quy hoạch sử dụng đất xã P giai đoạn 2021 - 2030. Căn cứ vào sổ theo dõi tại UBND xã P thì cả 02 bị đơn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí đang tranh chấp. UBND xã P sao lục trang 7 sổ địa chính xã P, quyển 1 trong đó có các thửa 7,8,9 tiểu khu C, khoảnh 7 mang tên Dương Thế K1, nơi thường trú xóm X.

- Tại Công văn số 978/UBND-NNMT ngày 20/3/2025 của UBND huyện V xác định: việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày cấp 16/02/1998 mang tên ông Dương Thế K1 được thực hiện theo quy định.

Đối chiếu với bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện V thời kỳ 2021 -2030 đã điều chỉnh, bổ sung và được UBND tỉnh T phê duyệt tại Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 thửa đất trên quy hoạch đất rừng sản xuất, không có trong kế hoạch sử dụng đất huyện V.

Diện tích đất đang tranh chấp đối chiếu trên bản đồ địa chính xã P đo đạc năm 2006, chỉnh lý năm 2013 là một phần của thửa đất số 151, tờ bản đồ địa chính số 02 xã P.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với các quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ma Thế K, buộc ông Dương Văn C trả lại toàn bộ diện tích 4.890,1 m² đất; buộc ông Nguyễn Văn L di dời toàn bộ số cây trồng trên đất

và trả lại toàn bộ diện tích 1.100,9m² đất theo Biên bản thẩm định để trả đất cho ông K.

Về chi phí tố tụng và án phí: đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Ông Ma Thế K khởi kiện các bị đơn, gồm: ông Dương Văn C, ông Nguyễn Văn L, yêu cầu các bị đơn di dời toàn bộ cây trồng, trả lại diện tích đất rừng đang tranh chấp mà ông K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xóm Đ, xã P, huyện V. Việc tranh chấp đất đã được UBND xã P cơ sở nhưng không đạt kết quả. Căn cứ các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định cho các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên họ đều vắng mặt tại Tòa án trong các lần triệu tập ghi lời khai, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt trong phiên Tòa án tổ chức thẩm định và định giá tài sản. Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất vắng mặt họ không có lý do, tại phiên tòa lần thứ hai các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án Tòa án vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định.

Theo Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 30/5/2006 của UBND huyện V về thay đổi, cải cách hộ tịch, xác định lại dân tộc quyết định thay đổi họ của ông K từ Dương Thế K1 thành Ma Thế K, từ dân tộc Kinh thành dân tộc Tày.

2. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- **Về căn cứ pháp lý:** Ngày 01/11/1995, UBND huyện V đã có quyết định giao đất, giao rừng cho ông Dương Thế K1 với tổng diện tích 33,067 ha tại vị trí các thửa đất số 7-Ib, 8-Ib khoảnh 7, thửa số 9-Ib khoảnh 6 tiểu khu C Bản đồ giao đất giao rừng xã P, huyện V. Ngày 16/02/1998 Ông Dương Thế K1 được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 với tổng diện tích 330.670 m² tại các vị trí nêu trên.

Tại Công văn số 978/UBND-NNMT ngày 20/3/2025 của UBND huyện V xác định: việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày cấp 16/02/1998 mang tên ông Dương Thế K1 được thực hiện theo quy định.

- **Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:** Ông K1 xác định trước năm 1995 phần đất đang tranh chấp với 02 bị đơn là đất tự nhiên, năm 1995 khi Nhà nước tiến hành giao đất, giao rừng thì ông K1 làm đơn xin nhận đất, nhận rừng để quản lý và sử dụng, không có ai tranh chấp và ông K1 được cấp hồ sơ giao đất giao rừng, Quyết định giao đất, giao rừng số 1952/QĐ-UB ngày 01/11/1995 của UBND huyện V. Đến năm 1998 được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày 16/02/1998 mang tên ông Dương Thế K1. Từ khi được cấp đất thì ông K1 chỉ khoanh nuôi giữ đất, đến năm 2015 xảy ra tranh chấp.

Các bị đơn cho rằng diện tích đất ông K1 đang tranh chấp với từng hộ gia đình là do các ông, bà tự mình khai phá, sử dụng và trồng cây từ khoảng năm 1991, 1992 đến nay. Cả 02 bị đơn đều không có giấy tờ gì chứng minh về nguồn gốc đất và quyền sử dụng đất tại 02 vị trí đang tranh chấp. Hiện nay phần đất tranh chấp với ông C không có tài sản gì; trên phần đất tranh chấp với ông L có trồng cây keo của ông L.

- **Nguyên nhân xảy ra tranh chấp:** Năm 2015 khi ông K1 tiến hành phát bãi để trồng cây, sau khi phát xong thì ông L, ông C mang cây keo đến trồng tại các vị trí tranh chấp, ông K1 đã có ý kiến với các bị đơn để đòi đất nhưng họ không chấp nhận nên đã làm đơn đề nghị giải quyết.

- **Vị trí tranh chấp:** Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/12/2024 và Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp kèm theo đã xác định được vị trí đất tranh chấp giữa ông K1 với các bị đơn cụ thể như sau:

+ Khu (1): Diện tích đất tranh chấp với ông Dương Văn C là 4.890,1 m², được xác định vị trí nằm trong lô H, khoảnh 7, tiểu khu C bản đồ giao đất giao rừng xã P. Đối chiếu với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp, có 4.890,1 m² thuộc thửa 151 tờ bản đồ số 2. Loại đất: Rừng sản xuất.

Trên đất không có tài sản gì.

+ Khu (2): Diện tích đất tranh chấp với ông Nguyễn Văn L là 1.100,9 m², được xác định vị trí nằm trong lô H, khoảnh 7, tiểu khu C bản đồ giao đất giao rừng xã P. Đối chiếu với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp, có 1.100,9 m² thuộc thửa 151 tờ bản đồ số 2. Loại đất: Rừng sản xuất.

Trên đất có 220 cây gỗ keo có đường kính trung bình gốc từ 6-12cm.

- **Giá trị tài sản tranh chấp:** Tại biên bản định giá ngày 25/12/2024, Hội đồng định giá đã xác định giá trị tài sản tranh chấp như sau:

Về quyền sử dụng đất: Đất rừng sản xuất có giá trị 8.000 đồng/01 m².

- Khu (1): Giá trị là 4.890,1 m² x 8.000 đồng/01 m² = 39.120.800 đồng.

- Khu (2): Giá trị là 1.100,9 m² x 8.000 đồng/01 m² = 8.807.200 đồng.

Về tài sản trên đất:

- 220 cây keo tại khu B của ông Nguyễn Văn L có giá trị là 19.171.600 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện: Qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, thấy rằng các bị đơn là ông Dương Văn C và ông Nguyễn Văn L, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không xuất trình được bất kỳ một loại tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh quyền sử dụng đất của mình tại vị trí đất tranh chấp. Trên thực tế các bị đơn đang sử dụng đất không có căn cứ pháp luật để trồng cây trên phần đất của ông Ma Thế K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

Tại Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định về Quyền đòi lại tài sản, cụ thể: “1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.”.

Ông Ma Thế K khởi kiện các bị đơn để đòi lại quyền sử dụng đất là có cơ sở, cần buộc các bị đơn ông Dương Văn C và ông Nguyễn Văn L phải di dời, thu hoạch toàn bộ cây trồng trên đất tại các vị trí cụ thể đã được thẩm định, định giá nêu trên để trả lại quyền sử dụng đất đang tranh chấp tại vị trí thuộc lô 8-Ib, khoảnh 7, tiểu khu C bản đồ giao đất giao rừng xã P đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày 16/02/1998 cho ông Ma Thế K là phù hợp.

- **Về chi phí tố tụng:** Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 3.000.000 đồng, nguyên đơn đã chi phí thuê đơn vị đo vẽ hết số tiền 12.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí tố tụng là 15.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ khoản 1 các Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì trong vụ án này các bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên cần buộc các bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên tương ứng theo tỷ lệ phần giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp, cụ thể:

Ông Nguyễn Văn L phải thanh toán 5.400.000 đồng chi phí đo vẽ và 1.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tổng cộng là 6.900.000 đồng.

Ông Dương Văn C phải thanh toán 6.600.000 đồng chi phí đo vẽ và 1.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tổng cộng là 8.100.000 đồng.

- **Về án phí:** Ông Nguyễn Văn L và ông Dương Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp đối với từng người (biên bản định giá ngày 25/12/2024) theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện được

chấp nhận và ông Ma Thế K là người cao tuổi nên ông K không phải chịu án phí theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 115, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 166, 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ma Thế K (Dương Thế K1).

1.1. Buộc ông Dương Văn C trả lại cho ông Ma Thế K 4.890,1 m² đất rừng sản xuất có vị trí tại khu tranh chấp 1 theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/12/2024 do Công ty cổ phần Đ và bản đồ Thái An đo vẽ, hình thửa từ các điểm 1,2,3,4, 5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15 nằm trong thửa số 08, tiểu khu C diện tích 73.600m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I238125 ngày 16/02/1998.

1.2. Buộc ông Nguyễn Văn L thu hoạch, di dời 220 cây gỗ keo có giá trị 19.171.600 đồng, trả lại cho ông Ma Thế K 1.100,9 m² đất rừng sản xuất có vị trí tại khu tranh chấp (2) theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/12/2024 do Công ty cổ phần Đ và bản đồ Thái An đo vẽ, hình thửa từ điểm 16,17,18,19,20,21,22,23,24,16 nằm trong thửa số 08, tiểu khu C diện tích 73.600 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 238125 ngày 16/02/1998.

(Có bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp kèm theo)

2. Về chi phí tố tụng: Buộc các bị đơn gồm ông Dương Văn C, ông Nguyễn Văn L phải thanh toán cho ông Ma Thế K tiền chi phí thẩm định, đo vẽ bản đồ và định giá tài sản, tổng cộng là 15.000.000 đồng, cụ thể: ông Dương Văn C phải thanh toán 8.100.000 đồng, ông Nguyễn Văn L phải thanh toán 6.900.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Dương Văn C phải chịu 1.956.040 đồng; ông Nguyễn Văn L phải chịu 1.398.920 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, công khai, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt ủy quyền cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Huyền

